

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: Học kỳ 1 (2023-2024)

Lớp học phần: [23401015] - Bóng đá 2 (BONGDA2 - 234010 - 14)

STT	Thông tin sinh viên						TBTK	Được dự thi	Cuối kỳ	Vắng thi	Điểm tổng kết 1	Điểm tổng kết 2	Xếp loại	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học								
1	2122100224	Trương Thị Ngọc	Ánh	02/11/2004	Nữ	CCQ2210G	7,8	V	7,0		7,30		Khá	
2	2121030097	Mai Tấn	Chiến	26/03/2003	Nam	CCQ2103C	7,0	V	7,0		7,00		Khá	
3	2121030089	Chế Việt	Cường	10/11/2003	Nam	CCQ2103C	7,0	V	7,0		7,00		Khá	
4	2122050043	Đặng Quốc	Cường	18/03/2004	Nam	CCQ2205B	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
5	2122030251	Nguyễn Châu Thành	Danh	01/07/2004	Nam	CCQ2203F	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
6	2121030077	Nguyễn Minh Công	Danh	07/03/2003	Nam	CCQ2103C	6,8	V	9,0		8,10		Khá	
7	2122030191	Mai Tiến	Đạt	23/03/2004	Nam	CCQ2203F	5,8	V	7,0		6,50		Trung bình	
8	2122110054	Nguyễn Minh	Đạt	10/05/2004	Nam	CCQ2211B	8,5	V	5,0		6,40		Trung bình	
9	2122110010	Trương Thành	Đạt	13/06/2004	Nam	CCQ2211A	7,8	V	7,0		7,30		Khá	
10	2122200108	Nguyễn Đình	Định	08/03/2003	Nam	CCQ2220D	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
11	2121110072	Nguyễn Thành	Đồng	20/07/2003	Nam	CCQ2111C	6,5	V	6,0		6,20		Trung bình	
12	2121030164	Nguyễn Văn	Đức	08/12/2003	Nam	CCQ2103C	5,5	V	6,0		5,80		Trung bình	
13	2122100249	Phạm Thị	Dung	28/04/2004	Nữ	CCQ2210H	8,5	V	8,0		8,20		Khá	
14	2121030142	Ngô Tiến	Dũng	16/07/2003	Nam	CCQ2103C	7,0	V	9,0		8,20		Khá	
15	2122030092	Vũ Khắc	Duy	14/11/2004	Nam	CCQ2203C	8,8	V	8,0		8,30		Khá	
16	2121030087	Lê Văn	Hà	28/08/2003	Nam	CCQ2103C	6,8	V	6,0		6,30		Trung bình	
17	2122110022	Lê Văn	Hải	22/11/2004	Nam	CCQ2211A	7,0	V	6,0		6,40		Trung bình	
18	2122030122	Đỗ Trung	Hậu	20/11/2004	Nam	CCQ2203D	9,0	V	8,0		8,40		Khá	
19	2121030140	Trần Trung	Hiếu	22/09/2003	Nam	CCQ2103D	7,5	V	8,0		7,80		Khá	
20	2122030119	Châu Gia	Huy	16/08/2004	Nam	CCQ2203D	8,3	V	10,0		9,30		Giỏi	
21	2122030082	Đặng Ngọc	Huy	25/06/2003	Nam	CCQ2203C	9,0	V	6,0		7,20		Khá	
22	2121050043	Châu Quốc	Khánh	02/09/2003	Nam	CCQ2105B	7,5	V	9,0		8,40		Khá	
23	2122110004	Huỳnh Duy	Khánh	23/12/2003	Nam	CCQ2211A	8,5	V	7,0		7,60		Khá	
24	2122270118	Nguyễn Tuấn	Kiệt	05/04/2004	Nam	CCQ2227D	7,3	V	9,0		8,30		Khá	
25	2121030141	Trương Đình	Lập	06/10/2003	Nam	CCQ2103C	5,8	V	8,0		7,10		Khá	
26	2122120504	Nguyễn Ngọc Thuỳ	Linh	27/09/2004	Nữ	CCQ2212K	7,0	V	8,0		7,60		Khá	
27	2122110012	Nguyễn Văn	Mến	11/10/2004	Nam	CCQ2211A	7,3	V	6,0		6,50		Trung bình	
28	2122110165	Bùi Nhật	Nam	18/01/2004	Nam	CCQ2226E	5,3	V	8,0		6,90		Trung bình	
29	2122030124	Nguyễn Đình	Nhất	19/01/2004	Nam	CCQ2203D	8,5	V	10,0		9,40		Giỏi	
30	2122100231	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	22/05/2004	Nữ	CCQ2210G	8,0	V	7,0		7,40		Khá	
31	2121030112	Đào Quốc	Phong	27/10/2002	Nam	CCQ2103D	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
32	2121030080	Phạm Anh	Phúc	18/09/2003	Nam	CCQ2103C	7,0	V	9,0		8,20		Khá	

33	2122120388	Nguyễn Thị Thanh	Quyền	05/09/2004	Nữ	CCQ2212L	6,3	V	7,0		6,70		Trung bình	
34	2122110011	Phạm Quốc	Tài	31/10/2004	Nam	CCQ2211A	6,8	V	7,0		6,90		Trung bình	
35	2121260070	Lê Thị Mỹ	Tâm	03/07/2003	Nữ	CCQ2126B	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
36	2122110440	Nguyễn Thành	Tâm	13/09/2003	Nam	CCQ2211B	7,8	V	8,0		7,90		Khá	
37	2121050044	Từ Tịnh	Tâm	31/05/2003	Nam	CCQ2105B	7,8	V	9,0		8,50		Giỏi	
38	2120110388	Võ Anh	Tâm	02/01/2001	Nam	CCQ2011J	7,0	V	7,0		7,00		Khá	
39	2121030073	Nguyễn Chí	Thân	04/04/2003	Nam	CCQ2103C	7,0	V	7,0		7,00		Khá	
40	2122200231	Nguyễn Văn	Thần	19/04/2004	Nam	CCQ2220G	8,3	V	8,0		8,10		Khá	
41	2122100240	Nguyễn Đoàn Bích	Thảo	04/08/2004	Nữ	CCQ2210G	7,3	V	8,0		7,70		Khá	
42	2122130033	Thạch Thị Ngọc	Thảo	02/04/2004	Nữ	CCQ2210G	8,0	V	7,0		7,40		Khá	
43	2122110024	Nguyễn Anh	Thì	16/04/2004	Nam	CCQ2211A	6,8	V	5,0		5,70		Trung bình	
44	2122110040	Đỗ Phú	Thiện	23/02/2003	Nam	CCQ2211A	8,5	V	8,0		8,20		Khá	
45	2122050061	Huỳnh Quốc	Thịnh	03/07/2004	Nam	CCQ2205B	7,5	V	9,0		8,40		Khá	
46	2122210128	Trần Lê Quốc	Thịnh	11/02/2004	Nam	CCQ2221D	9,3	V	6,0		7,30		Khá	
47	2122050055	Trần Ngọc	Thông	03/07/2004	Nam	CCQ2205B	6,5	V	7,0		6,80		Trung bình	
48	2122100264	Nguyễn Thị Minh	Thư	06/08/2004	Nữ	CCQ2210H	7,8	V	7,0		7,30		Khá	
49	2122170262	Cao Đức	Thuận	17/09/2004	Nam	CCQ2217G	5,5	V	8,0		7,00		Khá	
50	2122100042	Tạ Thanh	Thương	03/06/2004	Nam	CCQ2210B	9,3	V	8,0		8,50		Giỏi	
51	2121030146	Võ Minh	Tiến	05/12/2001	Nam	CCQ2103C	6,5	V	7,0		6,80		Trung bình	
52	2122170293	Trần Trung	Tín	28/06/2004	Nam	CCQ2217H	6,8	V	8,0		7,50		Khá	
53	2122110036	Vương Thế	Tinh	28/11/2004	Nam	CCQ2211A	7,3	V	8,0		7,70		Khá	
54	2121030078	Nguyễn Quốc	Toàn	19/06/2003	Nam	CCQ2103C	7,3	V	7,0		7,10		Khá	
55	2122110017	Hồ Ngọc Minh	Trí	25/11/2004	Nam	CCQ2211A	8,0	V	9,0		8,60		Giỏi	
56	2121030149	Nguyễn Hữu	Trí	24/02/2003	Nam	CCQ2103C	6,8	V	5,0		5,70		Trung bình	
57	2122030110	Đoàn Lê Thiên	Triết	22/08/2004	Nam	CCQ2203H	9,0	V	8,0		8,40		Khá	
58	2122210047	Phan Nguyễn Than	Trình	21/10/2004	Nam	CCQ2221E	7,0	V	9,0		8,20		Khá	
59	2122030077	Trần Nhật	Trương	13/02/2004	Nam	CCQ2203G	7,3	V	5,0		5,90		Trung bình	
60	2122110029	Hoàng Phi	Tú	17/07/2004	Nam	CCQ2211A	7,5	V	5,0		6,00		Trung bình	
61	2120170491	Nguyễn Văn	Tuấn	25/08/2002	Nam	CCQ2017N	7,8	V	5,0		6,10		Trung bình	
62	2121030090	Lê Xuân	Tùng	26/02/2003	Nam	CCQ2103C	7,0	V	5,0		5,80		Trung bình	
63	2122110008	Nguyễn Duy	Tường	04/04/2004	Nam	CCQ2211A	8,5	V	9,0		8,80		Giỏi	
64	2122100275	Nguyễn Thị	Vân	28/05/2004	Nữ	CCQ2210H	7,3	V	8,0		7,70		Khá	
65	2122110437	Lê Anh	Văn	20/07/2004	Nam	CCQ2211A	7,8	V	8,0		7,90		Khá	
66	2118170075	Trầm Tuấn	Vi	15/06/1999	Nam	CCQ1817A	8,5	V	7,0		7,60		Khá	
67	2120170316	Phan Trí	Viễn	08/12/2002	Nam	CCQ2017I	0,0	V	0,0	V	0,00		Kém	Học lại
68	2122270129	Nguyễn Ngọc	Vinh	26/09/2004	Nam	CCQ2227D	9,3	V	9,0		9,10		Giỏi	
69	2122200085	Lê Thanh	Vương	11/01/2003	Nam	CCQ2220C	9,5	V	6,0		7,40		Khá	
70	2121030075	Ngô Triều	Vỹ	04/11/2003	Nam	CCQ2103C	6,0	V	6,0		6,00		Trung bình	

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

Nguyễn Thành Quân